

Số: 57 /TTr-UBND

Cà Mau, ngày 16 tháng 5 năm 2022

TỜ TRÌNH

**Ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều
của Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Công văn số 22/HĐND-TT ngày 15/02/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau đây gọi là Nghị quyết) như sau:

I. VỀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Cà Mau đang áp dụng việc thu phí, lệ phí theo Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được địa phương cụ thể hóa bằng Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Ngày 26/11/2021, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 106/2021/TT-BTC về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (có hiệu lực từ ngày 10/01/2022). Từ đó, Nghị quyết 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh hiện nay không còn phù hợp với văn bản nguồn cần phải điều chỉnh và thay đổi; đồng thời, cần bãi bỏ Điều 16 Lệ phí cấp chứng minh nhân dân do hiện nay không còn cấp giấy chứng minh nhân và chuyển sang cấp căn cước công dân.

Trên cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 154 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 về “*trường hợp văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực*” và điểm b khoản 2 Điều 38 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ về “*xác định văn bản quy định chi tiết thi hành hết hiệu lực*”, việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau để quá trình thu phí, lệ phí được thực hiện liên tục là cần thiết và phù hợp với quy định.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích

Việc xây dựng, ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau nhằm đảm bảo quá trình thu phí, lệ phí được thực hiện liên tục một cách công khai, minh bạch và phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

Quá trình nghiên cứu, xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo tuân thủ và bám sát theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Việc xây dựng, ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh phải phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh; đồng thời, có sự tham khảo mức chi của các địa phương có hoàn cảnh kinh tế - xã hội tương đồng với tỉnh Cà Mau để bảo đảm hài hòa, thống nhất giữa các địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Công văn số 22/HĐND-TT ngày 15/02/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 779/UBND-KT ngày 18/02/2022. Theo đó, Sở Tài chính đã xây dựng hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết và tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; đồng thời, đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh để lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân, Sở Tài chính đã tiếp thu và hoàn chỉnh nội dung dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, gửi Sở Tư pháp thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng quy định. Đến nay, dự thảo Nghị quyết đã được tổng hợp hoàn chỉnh và đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo của Nghị quyết gồm có 04 điều, cụ thể như sau:

Điều 1 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Điều 2: Bãi bỏ;

Điều 3: Tổ chức thực hiện;

Điều 4: Điều khoản thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Để phù hợp với quy định của Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Nghị quyết sửa đổi tên khoản Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; sửa đổi, bổ sung các loại phí và lệ phí: Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; Phí đăng ký giao dịch bảo đảm và cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm; Lệ phí đăng ký cư trú; Lệ phí hộ tịch; Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh; bãi bỏ nội dung hướng dẫn về căn cứ xác định mức thu lệ phí cấp chứng minh nhân dân. *(Nội dung chi tiết theo dự thảo Nghị quyết kèm theo).*

Trên đây là nội dung Tờ trình ban hành Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp;
- Phòng Tổng hợp (Đình);
- Lưu: VT, KT (Ph01)(01b), Ktr24/5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

Số: /2022/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cà Mau, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO LẦN 5

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019);

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày.....tháng.....năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Báo cáo thẩm tra số...../BC-HĐND ngày.....tháng.....năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa X, Kỳ họp thứ Sáu đã thảo luận và thống nhất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau

1. Sửa đổi Khoản 2 Điều 6 của quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

“2. Các tổ chức, cá nhân là chủ đầu tư các dự án, chủ các cơ sở trên địa bàn tỉnh Cà Mau đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”.

2. Sửa đổi Khoản 2 Điều 7 của quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

“2. Các tổ chức, cá nhân là chủ đầu tư các dự án, chủ các cơ sở trên địa bàn tỉnh Cà Mau đề nghị thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”.

3. Điều chỉnh Điều 12 của quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

“Điều 12. Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường thu phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường đối với các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện thu phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường đối với các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Các tổ chức, cá nhân có yêu cầu và được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường), Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường.

3. Mức thu

Đơn vị tính: đồng

| Đối tượng | Thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | Thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện | |
|--|---|------------|--|------------|
| | Cấp/Cấp lại | Điều chỉnh | Cấp/Cấp lại | Điều chỉnh |
| Đối tượng 1: Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật bảo vệ môi trường năm 2020 | 5.700.000 | 2.400.000 | - | - |
| Đối tượng 2: Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả | 3.300.000 | 2.400.000 | - | - |

| | | | | |
|--|-----------|-----------|-----------|-----------|
| thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật bảo vệ môi trường năm 2020 | | | | |
| Đối tượng 3: Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường | 9.100.000 | 2.400.000 | 4.600.000 | 1.600.000 |
| Đối tượng 4: Các cơ sở đang hoạt động | 6.400.000 | 2.400.000 | 3.000.000 | 1.600.000 |
| Đối tượng 5: Dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng quy định tại Khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ | 2.300.000 | 2.400.000 | 2.300.000 | 1.600.000 |

4. Quản lý, sử dụng

a) Tổ chức thu phí được trích để lại 90% số tiền phí thu được để chi phí cho hoạt động thẩm định và nộp 10% vào ngân sách nhà nước.

b) Tổ chức thu phí thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng, quyết toán và công khai tài chính theo quy định hiện hành”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 14 của quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

“b) Hộ gia đình, cá nhân khi đăng ký giao dịch bảo đảm để vay vốn tại tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 4, Điều 9 của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP, ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn”.

5. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 15 của quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Tổ chức thu: Công an xã, phường, thị trấn”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Đối tượng nộp: Người đăng ký cư trú, hộ gia đình đăng ký cư trú được cơ quan đăng ký cư trú giải quyết việc đăng ký cư trú theo quy định của pháp luật”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:

“a) Không thu lệ phí đăng ký cư trú đối với các trường hợp do sai sót của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc vì lý do nhà nước thay đổi địa giới hành chính, đổi tên đường phố, đổi số nhà”.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

| STT | Nội dung thu | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) | |
|-----|--|----------------------------|----------------|--------------|
| | | | Phường | Xã, thị trấn |
| 1 | Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người | đồng/lần đăng ký | 6.000 | 5.000 |
| 2 | Đăng ký tạm trú theo danh sách | đồng/người/lần đăng ký | 6.000 | 5.000 |
| 3 | Gia hạn tạm trú cả hộ hoặc một người | đồng/lần gia hạn | 5.000 | 3.000 |
| 4 | Gia hạn tạm trú theo danh sách | đồng/người/lần gia hạn | 5.000 | 3.000 |
| 5 | Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú | đồng/lần điều chỉnh | 5.000 | 3.000 |
| 6 | Tách hộ, xác nhận thông tin về cư trú | đồng/lần đăng ký, xác nhận | 5.000 | 3.000 |

6. Bổ sung điểm c, khoản 3 và sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 của Điều 17 của quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

a) Bổ sung điểm c khoản 3 như sau:

“c) Các đối tượng thuộc diện miễn, giảm phí, lệ phí bao gồm trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:

“Đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc trong nước mức thu 28.000 đồng/lần đăng ký;

Đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn; đăng ký nhận cha, mẹ, con, mức thu 1.500.000 đồng/lần đăng ký”.

7. Bổ sung điểm c Khoản 3 của Điều 18 của quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

“c) Gia hạn giấy phép lao động: 450.000 đồng/giáp phép.

Điều 2. Bãi bỏ

Bãi bỏ Điều 16 của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa X, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày... tháng ... năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- BTT. UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH